



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

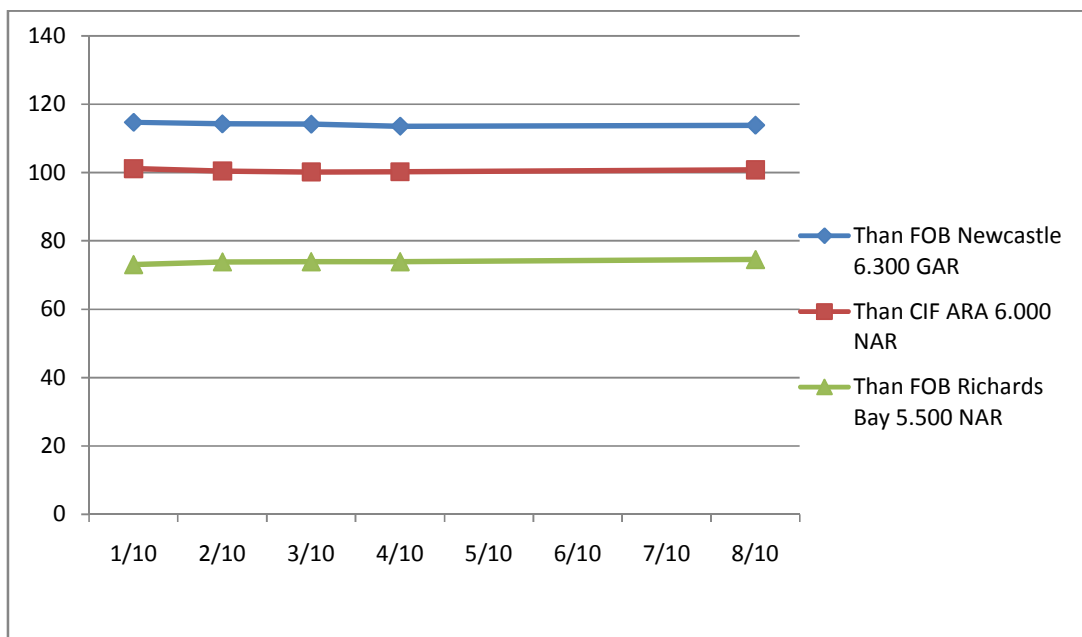
Ngày 11/10/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	113,90	+0,65	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	100,80	+0,50	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	74,60	+0,35	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	72,30	0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	52,80	0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	48,15	0,00	332,12	+1,90
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	62,20	-0,20	429,03	+1,08
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	80,50	+2,05	555,25	+19,98

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 08/10/2018)

ĐIỂM TIN

Hindustan Zinc tìm mua 300.000 tấn than nhập khẩu cho tháng 11-12

Hindustan Zinc Limited (HZL), một công ty thuộc tập đoàn Vedanta Group, đã mời thầu trực tiếp các chủ mỏ và các công ty đại diện marketing nhằm mua 300.000 tấn than nhập khẩu từ bất kỳ nguồn nào, bốc hàng trong tháng 11-12. Công ty muốn nhập khẩu than nhiệt trị 5.000- 7.000 kcal/kg GAR, độ ẩm 8 -19%, độ tro tối đa 29%, chất bốc 20-42%, lưu huỳnh 3%. Chào hàng có thể trên cơ sở CIF hoặc FOB. Cảng dỡ than là Kandla và Navalakhi ở khu vực bờ biển phía Tây Ấn Độ. Đối với tàu Supramax hoặc Panamax, công suất xếp dỡ yêu cầu là 18.000 tấn/ngày, và 13.000 tấn/ngày đối với tàu Cape tại cảng Kandla, trong khi tại cảng Navalakhi là 13.000 tấn/ngày. Hạn cuối nộp đăng ký dự thầu là vào ngày 15/10/2018.

Lượng than dự trữ tại các cảng biển Bohai đạt 19,8 triệu tấn, giảm 3% so với tuần trước

Lượng than dự trữ tại các cảng biển Bohai Trung Quốc bao gồm các cảng Qinhuangdao, Caofeidian, và Jingtang đã đạt 19,795 triệu tấn tính đến ngày 10/8, giảm 3,4% so với tuần nghỉ lễ trước đó, cụ thể là 20,50 triệu tấn của ngày 24/9, dữ liệu được đưa ra từ cảng vụ Qinhuangdao vào thứ 2 (8/10). Tình hình sửa chữa đường ray trên chuyến Datong-Qinhuangdao (29/9-23/10) đã ảnh hưởng đến lượng than vận chuyển than đến cảng Qinhuangdao, dẫn đến sự sụt giảm của lượng than dự trữ. Tính đến ngày 10/8, lượng than dự trữ cao nhất tại cảng Caofeidian, đạt 8,91 triệu tấn, tăng từ con số 8,32 triệu tấn của ngày 24/9. Cảng Jingtang có 5,85 triệu tấn tính đến 8/10, tăng từ con số 5,09 triệu tấn của ngày 24/9. Trong khi đó, cảng Qinhuangdao có trữ lượng 5,235 triệu tấn tính đến ngày 8/10, giảm từ con số 7,09 triệu tấn vào ngày 24/9. Tại khu vực khác, lượng than dự trữ tại cảng Huanghua, cảng chính của tập đoàn Shenhua ở miền Bắc tỉnh Hebei Trung Quốc, đạt 1,67 triệu tấn, tính đến ngày 8/10, giảm từ con số 1,73 triệu tấn của ngày 24/09, dữ liệu được đưa ra bởi cảng vụ Huanghua.

Khối lượng than nhiệt dự trữ tại các cảng lớn của Ấn Độ trong giai đoạn tháng 4 – tháng 9 tăng 24% so với cùng kỳ năm trước

Trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 9 năm nay (sáu tháng đầu năm tài chính 2018-2019), 12 cảng lớn nhất tại Ấn Độ đã tiếp nhận 51,45 triệu tấn than nhiệt, tăng 24% so với cùng kỳ năm ngoái, theo dữ liệu mới nhất được đưa ra vào thứ 2 (8/10) bởi Hiệp hội các Cảng Ấn Độ (IPA). Tổng khối lượng than bốc vận chuyển đến các cảng trong giai đoạn này đạt 26,46 triệu tấn, tăng 9% so với cùng kỳ năm ngoái. Cảng Paradip tại bờ biển phía Đông tiếp nhận khối lượng than nhiệt cao nhất trong giai đoạn tháng 4-9 với 16 triệu tấn, tăng 32% so với cùng kỳ năm ngoái. Cảng Kolkata, cũng nằm ở bờ biển phía Đông, tiếp nhận khối lượng than cốc lớn nhất với 8,54 triệu tấn, tăng 47% từ con số 5,83 triệu tấn của cùng kỳ năm ngoái. 12 cảng là Kolkata, Paradip, Visakhapatnam, Ennore, Chennai, VO Chidambaranar (Tuticorin), Cochin, New Mangalore, Mormugao, Mumbai, cảng Jawaharlal Nehru Trust (JNPT) và Kandla. Cảng Chennai và JNPT không nhận bất kỳ chuyến hàng than nào trong giai đoạn thống kê.

(Nguồn: www.platts.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
				Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	10,65	-0,15
	Queensland	Nhật Bản	12,35	-0,15
	New South Wales	Hàn Quốc	13,20	-0,15
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	15,25	+0,25
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	11,25	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	15,45	+0,25
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	9,50	+0,00
	Australia	Trung Quốc	14,95	+0,20
	Australia	Ấn Độ	16,95	+0,20

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 08/10/2018)